



lǎo tóu zi

老头子

noun · old man (often affectionate or derogatory)

Example Sentences

nà ge lǎo tóu zi měi tiān zài gōng yuán lǐ sǎn bù
那个老头子每天在公园里散步。

That old man takes a walk in the park every day.

lǎo tóu zi nǐ yòu zài láo dao shén me
老头子，你又在唠叨什么？

Old man, what are you nagging about again?

Trace each character, then write the word on your own.

老	老	老	老	老	老	老	老	老		
头	头	头	头	头	头	头	头			
子	子	子	子	子	子					